

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Quý III năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	5 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		846.996.543.468	630.163.592.184
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	10.349.661.775	20.849.462.837
1. Tiền	111		10.349.661.775	20.849.462.837
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		674.444.687.216	403.255.623.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	365.585.128.882	162.105.923.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	112.383.119.610	100.312.821.779
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	196.372.656.135	144.268.215.524
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(3.570.151.900)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	103.782.589	138.814.951
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	152.866.091.368	188.635.431.873
1. Hàng tồn kho	141		152.866.091.368	188.635.431.873
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		9.336.103.109	17.423.073.642
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	5.866.232.448	6.226.542.269
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	3.469.870.661	11.196.531.373
B. Tài sản dài hạn	200		1.227.488.618.629	842.941.722.563
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		158.970.653.073	93.785.053.073
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	16.200.000.000	16.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	142.770.653.073	77.585.053.073
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		102.038.235.334	101.348.787.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	16.838.925.891	15.918.053.321
- Nguyên giá	222		40.151.972.937	36.840.590.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.313.047.046)	(20.922.537.204)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	85.199.309.443	85.430.733.949
- Nguyên giá	228		86.197.204.623	86.197.204.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(997.895.180)	(766.470.674)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.873.861.818	68.500.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.873.861.818	68.500.000
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		962.517.923.639	646.617.923.639
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11a	632.080.000.000	616.180.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11b	153.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11c	177.437.923.639	30.437.923.639
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2.087.944.765	1.121.458.581
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	2.087.944.765	1.121.458.581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.074.485.162.097	1.473.105.314.747

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.077.561.784.900	612.967.431.242
I. Nợ ngắn hạn	310		727.561.784.900	562.967.431.242
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	12.156.584.456	22.776.959.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.463.252.968	12.053.514.063
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	1.141.437.994	12.578.348.844
4. Phải trả người lao động	314		-	11.690.969.904
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.151.092.184	6.114.130.864
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	27.471.681.632	68.768.265.798
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	674.425.157.211	427.271.396.034
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	752.578.455	1.713.846.454
II. Nợ dài hạn	330		350.000.000.000	50.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	300.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	50.000.000.000	50.000.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	996.923.377.197	860.137.883.505
I. Vốn chủ sở hữu	410		996.923.377.197	860.137.883.505
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		798.184.190.000	760.175.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.184.190.000	760.175.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.582.320.397	96.809.981.705
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		96.809.981.705	12.292.735.471
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		79.772.338.692	84.517.246.234
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.074.485.162.097	1.473.105.314.747

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	697.751.493.499	538.196.227.036	2.231.928.330.882	1.337.759.936.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		21.976.049.546	3.881.818.182	62.991.504.090	3.881.818.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		675.775.443.953	534.314.408.854	2.168.936.826.792	1.333.878.118.813
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	637.807.143.695	479.774.452.617	2.045.344.574.947	1.200.482.066.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.968.300.258	54.539.956.237	123.592.251.845	133.396.052.339
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12.710.906.299	3.657.719.320	87.640.785.992	34.518.676.892
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15.384.388.874	5.256.980.880	39.098.956.779	11.824.454.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.384.388.874	5.256.980.880	39.098.956.779	11.824.454.166
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	25.107.037.614	24.406.664.127	75.376.760.753	62.345.451.952
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	8.288.372.676	12.389.824.522	23.346.573.652	32.529.191.785
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.899.407.393	16.144.206.028	73.410.746.653	61.215.631.328
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.614.539.114	1.259.677.234	7.228.330.263	3.992.382.135
12. Chi phí khác	32	VI.08	63.221.656	3.801	125.705.749	55.241.691
13. Lợi nhuận khác	40		3.551.317.458	1.259.673.433	7.102.624.514	3.937.140.444
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.450.724.851	17.403.879.461	80.513.371.167	65.152.771.772
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	1.993.033.060	741.032.475	4.091.863.600
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.450.724.851	15.410.846.401	79.772.338.692	61.060.908.172

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Đăng Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.513.371.167	65.152.771.772
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.054.416.692	2.049.144.655
Các khoản dự phòng	03	(3.570.151.900)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(87.929.690.107)	(35.084.766.866)
Chi phí lãi vay	06	39.098.956.779	11.824.454.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.166.902.631	43.941.603.727
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(244.697.625.299)	(124.926.016.090)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	35.769.340.505	22.841.325.715
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	229.985.337.669	23.590.576.132
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(606.176.363)	(1.346.762.172)
Tiền lãi vay đã trả	14	(39.377.248.497)	(11.817.316.311)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.046.217.946)	(1.102.359.556)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(961.267.999)	(279.832.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(766.955.299)	(49.098.780.555)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.625.600.594)	(7.661.941.910)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	365.454.545	2.427.272.728
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(315.900.000.000)	(39.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.260.384.109	10.118.243.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(313.899.761.940)	(34.116.425.417)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	57.013.155.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.998.816.713.019	1.097.435.645.001
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.751.662.951.842)	(1.005.298.389.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	304.166.916.177	92.137.255.338
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.499.801.062)	8.922.049.366
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.849.462.837	11.899.507.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.349.661.775	20.821.556.534

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Đăng Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 31/7/2023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSDC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký: 798.184.190.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 30/9/2023: 798.184.190.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-007.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi ma điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi ma điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (dịch vụ cứu hộ cứu nạn);
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

- Danh sách công ty con tại ngày 30/9/2023 như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	98,53%	98,53%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	52,00%	52,00%
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,52%	96,52%
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	số 216, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	90,00%	90,00%
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Thương mại và dịch vụ	70,20%	99,00%
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thương mại và dịch vụ	0,00%	95,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	02 - 05 năm

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro, lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)... Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xây ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ phải nộp các khoản thuế khác theo các quy định và hướng dẫn về các loại thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế. Công ty sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán để tạm tính nghĩa vụ thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	203.163.998	308.000.846
Tiền gửi ngân hàng	10.146.497.777	20.541.461.991
Cộng	10.349.661.775	20.849.462.837
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% phải thu khách hàng)	253.270.518.670	115.136.032.629
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	42.539.678.638	37.388.535.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	4.914.322.146	5.374.322.146
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên (bên liên quan)	468.158.348	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	64.392.451.080	4.207.033.703
Cộng	365.585.128.882	162.105.923.478
3. Trả trước cho người bán		
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Minh Long	111.438.953.200	88.657.282.916
- Công ty Cổ phần Easy Car	-	6.797.826.627
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	-	3.891.594.386
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	100.000.000	-
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	844.166.410	966.117.850
Cộng	112.383.119.610	100.312.821.779
b) Dài hạn		
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	16.200.000.000	16.200.000.000
Cộng	16.200.000.000	16.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	30.285.911.992	16.757.405.640
- Phải thu vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	15.254.590.000	13.781.000.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (bên liên quan)	16.098.600.000	7.182.964.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	4.285.413.068	6.502.841.661
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	41.571.715.948	13.302.505.853
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	569.149.500	569.149.500
- Phải thu khác Công ty Cổ phần DAF Group	1.100.000.000	1.100.000.000
- Phải thu khác Công ty TNHH Minh Long	30.637.980.216	11.090.519.660
- Phải thu khác Công ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	9.672.327.619	1.496.000.000
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	1.693.199.120	588.849.000
- Ký quỹ ngắn hạn cho Công ty TNHH Minh Long cải tạo nhà xưởng	-	65.160.000.000
- Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng	26.020.000.000	75.502.007
- Các khoản phải thu khác	19.183.768.672	6.661.478.203
Cộng	196.372.656.135	144.268.215.524

b) Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ 20 năm thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Minh Long	137.160.000.000	72.000.000.000
- Phải thu dài hạn khác Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ký quỹ dài hạn khác	3.610.653.073	3.585.053.073
Cộng	142.770.653.073	77.585.053.073

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	91.782.591	-	91.782.591	-
- Hàng tồn kho ở kho Bà Rịa	11.999.998	-	47.032.360	-
Cộng	103.782.589	-	138.814.951	-

6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	59.552.810	-	996.051	-
- Chi phí sản xuất dở dang	5.831.095.703	-	5.386.438.621	-
- Hàng hóa (6.1)	146.975.442.855	-	183.247.997.201	-
Cộng	152.866.091.368	-	188.635.431.873	-

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe mới các loại	110.707.434.995	136.892.470.717
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh	25.243.014.971	33.974.172.640
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu	4.053.097.882	4.023.603.938
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa	6.971.895.007	8.357.749.906
Cộng	146.975.442.855	183.247.997.201

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	236.121.397	576.716.275		
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển	-	3.429.000.000		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	5.630.111.051	2.220.825.994		
Cộng	5.866.232.448	6.226.542.269		
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	737.491.612	530.474.268		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.350.453.153	590.984.313		
Cộng	2.087.944.765	1.121.458.581		
8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.539.688.456	283.106.048	-	8.822.794.504
Máy móc, thiết bị	9.071.987.868	858.820.000	-	9.930.807.868
Phương tiện vận tải	18.307.845.456	2.678.312.728	508.856.364	20.477.301.820
Thiết bị, dụng cụ quản lý	921.068.745	-	-	921.068.745
Cộng	36.840.590.525	3.820.238.776	508.856.364	40.151.972.937
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.365.742.000	136.843.983	-	8.502.585.983
Máy móc, thiết bị	6.727.832.484	427.496.272	-	7.155.328.756
Phương tiện vận tải	5.224.555.784	2.198.479.650	432.482.344	6.990.553.090
Thiết bị, dụng cụ quản lý	604.406.936	60.172.281	-	664.579.217
Cộng	20.922.537.204	2.822.992.186	432.482.344	23.313.047.046
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	173.946.456			320.208.521
Máy móc, thiết bị	2.344.155.384			2.775.479.112
Phương tiện vận tải	13.083.289.672			13.486.748.730
Thiết bị, dụng cụ quản lý	316.661.809			256.489.528
Cộng	15.918.053.321			16.838.925.891

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.312.253.887 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	2.174.730.000	-	-	2.174.730.000
Cộng	86.197.204.623	-	-	86.197.204.623
Khấu hao lũy kế				
Phần mềm	766.470.674	231.424.506	-	997.895.180
Cộng	766.470.674	231.424.506	-	997.895.180
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	1.408.259.326			1.176.834.820
Cộng	85.430.733.949			85.199.309.443

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 334.850.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm tài sản cố định	1.650.816.363	-
- Chi phí mua bản quyền phần mềm	68.500.000	68.500.000
- Chi phí khảo sát công trình trên đất Nguyễn Xí	154.545.455	-
Cộng	1.873.861.818	68.500.000

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Công ty con	632.080.000.000	632.080.000.000	-	616.180.000.000	616.180.000.000	-
Góp vốn vào đơn vị khác	153.000.000.000	153.000.000.000	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	177.437.923.639	177.437.923.639	-	30.437.923.639	30.437.923.639	-
Cộng	962.517.923.639	962.517.923.639	-	646.617.923.639	646.617.923.639	-

	Số lượng cổ phần đăng ký nắm giữ	Tỷ lệ đăng ký vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư đến ngày 30/9/2023
a) Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	6.700.000	98,53%	98,53%	67.000.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	6.240.000	52,00%	52,00%	90.400.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	22.200.000	96,52%	96,52%	327.680.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	10.800.000	90,00%	90,00%	108.000.000.000
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	5.700.000	95,00%	95,00%	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên (*)	1.950.000	39,00%	99,00%	39.000.000.000
Cộng				632.080.000.000
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công Ty Cổ phần Dasonmotors	160.200.000	15,00%	15,00%	153.000.000.000
Cộng				153.000.000.000

(*) Công ty Cổ phần City Auto nhận chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên tương ứng 39% vốn điều lệ.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 70,2%, trong đó tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 39%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 31,2%.

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 99%, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 39%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 60%.

c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Đức Hòa	(11.1) 30.437.923.639	30.437.923.639
Công ty Cổ phần Daf Group	(11.2) 147.000.000.000	-
Cộng	177.437.923.639	30.437.923.639

(11.1) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 157/22/HĐUT ngày 10/10/2022 và phụ lục giữa Công ty CP City Auto và Ông Lê Đức Hòa, tổng số tiền được ủy thác: 31.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm và được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

(11.2) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐHTKD/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	7.327.709.678	7.327.709.678	17.838.123.371	17.838.123.371
- Các đối tượng khác	4.828.874.778	4.828.874.778	4.938.835.910	4.938.835.910
Cộng	12.156.584.456	12.156.584.456	22.776.959.281	22.776.959.281

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	6.463.252.968
Cộng	6.463.252.968	12.053.514.063

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp/khấu	Số cuối kỳ
		trong kỳ	trừ trong kỳ	
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT phải nộp	189.418.729	225.066.173.379	224.948.768.451	306.823.657
- Thuế TNDN	12.046.217.946	741.032.475	12.046.217.946	741.032.475
- Thuế TNCN	342.712.169	1.078.292.034	1.327.422.341	93.581.862
- Thuế khác	-	9.879.950	9.879.950	-
Cộng	12.578.348.844	226.895.377.838	238.332.288.688	1.141.437.994
b) Phải thu				
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	11.196.531.373	212.996.815.926	220.723.476.638	3.469.870.661
Cộng	11.196.531.373	212.996.815.926	220.723.476.638	3.469.870.661

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	- Trích trước chi phí trả cho Công ty Ford Việt Nam	402.112.476
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	987.859.607	1.266.151.325
- Chi phí phải trả khác	3.761.120.101	4.130.500.034
Cộng	5.151.092.184	6.114.130.864

16. Các khoản phải trả khác ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	a) Ngắn hạn	
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	2.513.500
- Kinh phí công đoàn	1.248.375.906	1.027.690.426
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Hồ Chí Minh	525.963.313	525.963.313
- Phải trả Công ty CP Auto Tân Thuận	1.000.000.000	25.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Auto Bình Phước	19.637.790.939	21.637.790.939
- Phải trả Công ty CP Trader Vũng Tàu	-	11.500.000.000
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	2.888.360.470	4.322.940.054
- Phải trả Công ty CP Trident Auto	-	1.801.665.765
- Phải trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	264.000.000	264.000.000
- Phải trả cổ tức	9.065.000	9.065.000
- Các khoản phải trả khác	1.898.126.004	2.676.636.801
Cộng	27.471.681.632	68.768.265.798
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long	300.000.000.000	-
Cộng	300.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
(a) Ngắn hạn	427.271.396.034	1.998.816.713.019	1.751.662.951.842	674.425.157.211
- NH Ngoại thương (17.1)	104.889.880.000	376.515.224.000	335.851.624.000	145.553.480.000
- NH Bảo Việt (17.2)	12.410.459.000	-	12.410.459.000	-
- NH Đầu tư và Phát triển (17.3)	131.927.241.000	512.277.130.000	490.374.568.000	153.829.803.000
- NH Indovina (17.4)	100.000.000.000	137.065.000.000	137.065.000.000	100.000.000.000
- NH HSBC (17.5)	78.043.816.034	439.500.433.019	467.866.607.342	49.677.641.711
- NH Quốc tế (17.6)	-	183.318.934.500	127.066.422.500	56.252.512.000
- NH Việt Nam Thịnh Vượng (17.7)	-	76.193.991.500	51.028.271.000	25.165.720.500
- NH Bangkok đại chúng TNHH (17.8)	-	260.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
- NH TMCP Đông Nam Á - SeABank (17.9)	-	13.946.000.000	-	13.946.000.000
(b) Dài hạn	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
- Trái phiếu phát hành (17.10)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Cộng	477.271.396.034	1.998.816.713.019	1.751.662.951.842	724.425.157.211

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0648/KHDN/22/HMCV ngày 30/12/2022 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0362-2022-HDĐT1-BVB003 ngày 26/12/2022 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay.

(17.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2023/11402179/HĐTD ngày 27/7/2023 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

(17.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 07/0322/CLri/6285628 ngày 13/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi số 07/0322/CLri/PL02-0623 ngày 16/6/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18 thuộc tờ bản đồ số 38, tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với giá trị định giá là 356.643.800.000 đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò theo Hợp đồng thế chấp số 07/0322/HĐTC-01 ngày 13/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 07/0322/HĐTC-01/PL-0622 ngày 20/6/2022.

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 165993 ngày 13/9/2022 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2756712.23 ngày 26/6/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 369/2022/HDHM/CMB-CITYAUTO ngày 19/12/2022 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, sổ tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford (CKD và CBU) các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thu bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(17.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 13/2023/HĐTD-HM/TTKD ngày 15/8/2023 với hạn mức vay là 80 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

(17.10) Trái phiếu thường không chiết khấu: Công ty đã phát hành 500 trái phiếu thường với mã trái phiếu CTFH2224001, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu với tổng mệnh giá là 50 tỷ đồng, kỳ hạn 18 tháng, ngày đáo hạn: 03/5/2024, lãi suất trái phiếu cố định 11%/năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu nợ, chi tiết theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 03/11/2022. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.573.193 cổ phiếu mã CTF của Công ty CP City Auto chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 66/HĐ-CTF/2022 ngày 21/10/2022 giữa Ông Nguyễn Văn Thành (đại diện các bên thế chấp) và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Công ty CP City Auto.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
	2023	2022
Số dư đầu năm	1.713.846.454	2.250.059.104
Giảm do chi quỹ	(961.267.999)	(279.832.000)
Số dư cuối kỳ	752.578.455	1.970.227.104

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2022	Tăng	Giảm	30/9/2022
	- Vốn góp của chủ sở hữu	723.977.760.000	36.197.660.000	-
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	48.490.395.471	61.060.908.172	36.197.660.000	73.353.643.643
Cộng	775.620.637.271	97.258.568.172	36.197.660.000	836.681.545.443
	01/01/2023	Tăng	Giảm	30/9/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	760.175.420.000	38.008.770.000	-	798.184.190.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	19.004.385.000	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	96.809.981.705	79.772.338.692	-	176.582.320.397
Cộng	860.137.883.505	136.785.493.692	-	996.923.377.197

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Lợi nhuận chưa phân phối	9 tháng đầu năm 2023	9 tháng đầu năm 2022
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	96.809.981.705	48.490.395.471
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	79.772.338.692	61.060.908.172
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	-	(36.197.660.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	176.582.320.397	73.353.643.643

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 16 ngày 31/7/2023 là 798.184.190.000 đồng tương đương 79.818.419 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.818.419	76.017.542
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79.818.419	76.017.542
+ Cổ phiếu phổ thông	79.818.419	76.017.542
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.818.419	76.017.542
+ Cổ phiếu phổ thông	79.818.419	76.017.542
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	655.059.299.574	506.642.046.853
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.692.193.925	31.554.180.183
Cộng	697.751.493.499	538.196.227.036
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	21.976.049.546	3.881.818.182
Cộng doanh thu thuần	675.775.443.953	534.314.408.854
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	628.747.163.943	491.471.705.627
Doanh thu bán phụ tùng	4.345.161.085	11.288.523.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.482.325.179	30.847.386.631
Doanh thu khác	1.200.793.746	706.793.552
Cộng	675.775.443.953	534.314.408.854
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Giá vốn xe đã bán	611.000.091.376	455.109.451.982
- Giá vốn hàng hóa đã bán	3.168.545.451	7.960.548.671
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	23.638.506.868	16.704.451.964
Cộng	637.807.143.695	479.774.452.617
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.635.651	3.535.522
- Lãi từ khoản ký quỹ/(hoàn nhập)	12.705.094.238	3.654.183.798
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	176.410	-
Cộng	12.710.906.299	3.657.719.320
4. Chi phí hoạt động tài chính	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	15.384.388.874	5.256.980.880
Cộng	15.384.388.874	5.256.980.880

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	9.613.612.455	12.925.115.020
- Chi phí khấu hao TSCĐ	955.947.004	556.722.004
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	762.631.124	1.153.428.396
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	7.028.078.437	8.600.899.548
- Chi phí bằng tiền khác	6.746.768.594	1.170.499.159
Cộng	25.107.037.614	24.406.664.127
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.769.947.158	5.664.458.118
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	466.326.708	270.068.788
- Chi phí khấu hao TSCĐ	118.838.640	143.954.208
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.987.333.439	5.644.095.110
- Chi phí bằng tiền khác	945.926.731	667.248.298
Cộng	8.288.372.676	12.389.824.522
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	289.080.525	65.424.268
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	1.188.261.000	1.155.850.000
- Thu nhập khác	2.137.197.589	38.402.966
Cộng	3.614.539.114	1.259.677.234
8. Chi phí khác		
- Chi phí khác	63.221.656	3.801
Cộng	63.221.656	3.801
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.450.724.851	17.403.879.461
Trừ/Cộng: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	(27.632.941.188)	(7.438.714.163)
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	(22.182.216.337)	9.965.165.298
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	-	1.993.033.060
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	637.807.143.695	479.774.452.617
- Chi phí nhân công	13.383.559.613	18.589.573.138
- Chi phí khấu hao	1.074.785.644	700.676.212
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.749.964.563	6.797.523.506
- Chi phí khác	15.187.100.470	10.708.715.793
Cộng	671.202.553.985	516.570.941.266

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con
Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty cổ cùng thành viên quản lý chủ chốt

Trong quý này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên kết</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.584.000
		Cổ tức được chia	-
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	14.983.964.831
		Mua hàng hóa, dịch vụ	61.816.159.461
		Cổ tức được chia	-
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Doanh thu tài chính	50.410.958
		Bán hàng hóa, dịch vụ	-
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Cổ tức được chia	-
		Bán hàng hóa	11.842.181.817
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con	Mua hàng hóa	7.150.545.454
		Bán hàng hóa	425.711.680
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	13.225.900
		Mua hàng hóa	7.305.000.000
		Doanh thu tài chính	2.770.404.823
		Nhận cung cấp dịch vụ	588.737.384

Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	45.000.000
		Tiền lương	81.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	-
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	61.424.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	30.520.000
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	-

Ban Kiểm soát

Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	Thù lao	9.000.000
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	Thù lao	9.000.000
Ông Bùi Duy Văn	Thành viên	Thù lao	9.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/9/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Trả trước người bán	16.200.000.000
		Phải thu khách hàng	42.539.678.638
		Phải thu khác	43.571.715.948
		Phải trả người bán	1.262.210
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.914.322.146
		Phải thu khác	4.285.413.068
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Phải thu khác	16.098.600.000
		Phải thu khác	569.149.500
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Phải trả người bán	8.600.000
		Phải trả khác	1.000.000.000
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con	Phải thu khách hàng	468.158.348
		Phải thu khác	19.637.790.939
Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan	Phải thu khách hàng	64.392.451.080
		Phải thu khác	9.672.327.619
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Trả trước người bán	100.000.000
		Chi phí phải trả	144.220.244

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 10 năm 2023Lê Thị Phú
Kế toán trưởngTrương Thị Hồng Vân
Người lập biểu